

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1227 /UBND-NN

Lai Châu, ngày 17 tháng 9 năm 2013

V/v tham gia góp ý Dự thảo Thông tư triển khai hoạt động môi trường trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Kính gửi:

- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã.

Thực hiện Công văn số 3033/BNN-KHCN ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý Dự thảo Thông tư triển khai hoạt động môi trường trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham gia góp ý Dự thảo Thông tư triển khai hoạt động môi trường trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (*các cơ quan tải dự thảo Thông tư tại trang điện tử: vpubnd.laichau.gov.vn; tại mục: Thông báo mời họp*) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hoàn thiện văn bản góp ý Dự thảo Thông tư triển khai hoạt động môi trường trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Căn cứ nội dung Công văn này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (độc Quảng); (báo cáo)
- TT Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

**TL. CHỦ TỊCH
O. CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Vinh

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3033** /BNN-KHCN
V/v góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn
triển khai hoạt động môi trường trong
Chương trình MTQG xây dựng
nông thôn mới

Hà Nội, ngày **03** tháng **9** năm 2013

Kính gửi :

VĂN PHÒNG TỔNG HÀNH CHÍNH LẠI CHẤU	
CONG	Số: ... 2495 ...
VĂN	Ngày: 04/9/13 ...
ĐẾN	Chuyên: <i>Đ. Hải</i> ...

- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Bộ Xây dựng
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Tài chính
- Ủy ban nhân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương

Nhằm triển khai hoạt động môi trường thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng "Thông tư hướng dẫn triển khai hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020".

Để hoàn thiện dự thảo Thông tư, đề nghị quý Cơ quan nghiên cứu, góp ý bằng văn bản cho Dự thảo Thông tư (được gửi kèm theo).

Ý kiến góp ý đề nghị gửi về, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và gửi qua địa chỉ email: khanhd.khcn@mard.gov.vn) trước ngày 15/9/2013 để chỉnh sửa, hoàn thiện Thông tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN. (70 bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn triển khai hoạt động bảo vệ môi trường
trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2010 - 2020**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 của Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 59/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành thông tư hướng dẫn triển khai hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn triển khai hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 gồm các nội dung sau:

- Xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong thôn, xóm;
- Xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã;
- Chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang;
- Cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện các nhiệm vụ hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Nước thải là nước được thải ra sau khi sử dụng hoặc được tạo ra trong một quá trình công nghệ và không còn giá trị trực tiếp đối với quá trình đó. (Tiêu chuẩn Việt Nam 5980-1995 và ISO 6107/1-1980).
- b) Nước thải sinh hoạt là nước được thải bỏ sau khi sử dụng cho các mục đích sinh hoạt như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...
- c) Rác thải là toàn bộ các loại vật chất được con người loại bỏ trong các hoạt động kinh tế - xã hội bao gồm hoạt động sản xuất và sinh hoạt.
- d) Chất thải rắn là chất thải ở thể rắn được thải ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác. Chất thải rắn bao gồm chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại; Chất thải rắn phát thải trong sinh hoạt cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng được gọi chung là chất thải rắn sinh hoạt; Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất công nghiệp, làng nghề, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác được gọi chung là chất thải rắn công nghiệp.

đ) Thu gom chất thải rắn là hoạt động tập hợp, phân loại, đóng gói và lưu giữ tạm thời chất thải rắn tại nhiều điểm thu gom tới địa điểm hoặc cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

e) Chất thải rắn nguy hại là chất thải rắn có chứa các chất hoặc hợp chất có một trong những đặc tính: phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc các đặc tính nguy hiểm khác, thường tồn tại ở dạng bao bì chứa hóa chất độc hại hoặc sản phẩm hóa chất đã hết hạn sử dụng trong sản xuất thiết bị chuyên dụng, được thu gom, vận chuyển và xử lý riêng.

g) Xử lý chất thải rắn là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật làm giảm, loại bỏ, tiêu hủy các thành phần có hại hoặc không có ích trong chất thải rắn, thu hồi tái chế, tái sử dụng lại các thành phần có ích trong chất thải rắn.

h) Bãi chôn lấp chất thải rắn là địa điểm thực hiện xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp.

i) Nước thải của các bãi chôn lấp chất thải rắn là dung dịch thải từ các bãi chôn lấp thải vào nguồn tiếp nhận.

k) Nghĩa trang là nơi an táng thi hài, hài cốt cho mọi đối tượng dân cư sinh sống tại nông thôn và cả khu vực đô thị liên kề khi có nhu cầu và được chính quyền địa phương đồng ý.

l) Táng là công việc thực hiện lưu giữ thi hài, hoặc hài cốt; Hỏa táng là công nghệ dùng nhiệt độ cao để thiêu đốt thi hài; Hung táng là hình thức địa táng lần đầu thi hài (3 - 5 năm) để quá trình phân hủy các tổ chức tế bào phần mềm cơ thể người chết xảy ra hoàn toàn; Cát táng là hình thức địa táng hài cốt sau hung táng. Hài cốt sau hung táng sẽ được chuyển sang vị trí huyệt mộ khác (còn gọi là sang cát, cải táng); Chôn một lần là hình thức địa táng vĩnh viễn thi hài, không phải qua giai đoạn cải táng.

Chương II

XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CẤP HỆ THỐNG TIÊU THOÁT NƯỚC TRONG THÔN, XÓM

Điều 3. Yêu cầu xây dựng hệ thống tiêu thoát nước

1. Hệ thống tiêu thoát nước trong các thôn, xóm (khu vực sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp) được xây dựng theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới do UBND huyện phê duyệt, đảm bảo quy định tại thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của liên Bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi

trường về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới

2. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý trước khi đổ vào ao, hồ, kênh và các sông nội đồng.

3. Nước thải từ khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được xử lý theo quy trình công nghệ phù hợp và chỉ được thải ra môi trường khi đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT về *nước thải sinh hoạt* hoặc quy chuẩn Việt Nam 24:2009/BTNMT về *nước thải công nghiệp* trước khi thải vào hệ thống tiêu thoát chung của xã hoặc thải vào hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực.

Điều 4. Yêu cầu xây dựng hệ thống xử lý nước thải và xây dựng hệ thống tiêu thoát nước

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải tại các khu sản xuất:

Nước thải ở các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn sản xuất nông nghiệp và khu vực phi nông nghiệp phải có hệ thống thoát nước riêng, được xử lý theo quy trình công nghệ phù hợp trước khi thải ra môi trường. Việc tính toán để xây dựng trạm xử lý nước thải phải phù hợp với đặc điểm sản xuất, mức độ độc hại của nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn Việt Nam cho phép

2. Đối với hệ thống tiêu thoát nước tại các hộ gia đình và khu dân cư

Nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình, khu dân cư phải xây dựng hệ thống thu gom và xử lý trước khi đổ ra kênh rạch, ao hồ để làm sạch tự nhiên, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 5. Đối tượng xây dựng hệ thống xử lý nước thải và xây dựng hệ thống tiêu thoát nước

a) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải:

- Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;
- Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề;
- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b) Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước:

- Các đối tượng tại điểm a, sau khi nước thải được xử lý;
- Nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình, khu dân cư tại các thôn, xóm.

2. Yêu cầu hệ thống xử lý nước thải

a) Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn.

b) Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

c) Quy trình vận hành xử lý nước thải phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố tại nơi công cộng.

d) Việc sử dụng ao, hồ tự nhiên để tham gia vào hệ thống xử lý nước thải chỉ khi chất lượng nước ao/hồ nằm trong ngưỡng chất lượng nước mặt đảm bảo quy chuẩn chất lượng nước bảo vệ đời sống thủy sinh.

Điều 6. Xây dựng và quản lý hệ thống thu gom, xử lý nước thải và hệ thống tiêu thoát nước

1. Cải tạo và xây dựng mới hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước ở các chợ, khu dân cư nông thôn đảm bảo nước thải sinh hoạt không chảy tràn ra đường xá và khu dân cư. Khuyến khích các hộ ở miền núi có đất ở rộng ($>1000m^2$) thoát nước thải bằng tự thấm

a) Hướng thoát theo trục tiêu chính của xã, thoát về các mương tiêu và hệ thống ao hồ xung quanh khu vực.

b) Xây mới các tuyến chính từ đầu các xóm và các rãnh nội xóm nhằm thoát nước một cách nhanh nhất.

2. Quản lý hệ thống tiêu thoát nước

a) Ban quản lý xây dựng nông thôn mới chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện sửa chữa, xây dựng hệ thống xử lý nước thải và hệ thống tiêu thoát nước sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quy trình vận hành hệ thống tiêu thoát nước được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.

c) Mỗi thôn cử ít nhất 1 cán bộ tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện xả thải và vận hành hệ thống tiêu thoát nước.

Chương III

XÂY DỰNG CÁC ĐIỂM THU GOM, XỬ LÝ RÁC THẢI Ở CÁC XÃ

Điều 7. Xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã nông thôn mới

1. Tiêu chí các điểm thu gom, xử lý rác thải ở xã nông thôn mới

a) Phải xa khu dân cư với một khoảng cách phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường xung quanh cũng như đảm bảo cảnh quan nông thôn.

b) Không gây ô nhiễm môi trường đến các khu dân cư, đến nguồn nước sinh hoạt và việc duy trì sự sống cho các sinh vật xung quanh khu xử lý.

c) Có điều kiện địa chất thủy văn phù hợp, không nằm trong khu vực bị ngập sâu trong nước, không nằm ở vị trí đầu nguồn nước.

d) Phải thuận lợi về giao thông để vận chuyển rác hàng ngày.

đ) Phải đảm bảo quy mô sức chứa từ 10 - 15 năm.

2. Đối với các khu xử lý rác thải, xây dựng mới

- UBND xã là cơ quan chủ đầu tư cần tiến hành xác định địa điểm, vị trí khu xử lý, bãi chôn lấp rác trên cơ sở khảo sát địa hình địa mạo và các yếu tố tự nhiên khác. Xác định khoảng cách đến khu vực dân cư, các công trình văn hóa, di tích lịch sử, hướng gió theo mùa, chế độ mưa nắng, độ ẩm, hướng dòng nước gần khu vực xử lý.

- Tiến hành điều tra tình hình địa chất để xem xét địa tầng, thiết kế chiều sâu hố rác hợp lý, đặc biệt xem xét lớp đất sét lót đáy hồ để tránh gây ô nhiễm nước ngầm và xung quanh.

- Điều tra điều kiện địa chất, thủy văn để xác định mực nước ngầm, mức độ ảnh hưởng của khu vực chôn lấp rác đến mực nước ngầm khu vực.

- Thực hiện các thủ tục theo quy định trong việc lập dự toán và các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng khu xử lý bãi rác như: thủ tục cấp đất, đền bù lập dự án và thiết kế kỹ thuật khu xử lý rác, bãi chôn lấp rác (Theo thiết kế án và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân tại địa phương có khu vực xử lý rác).

- Triển khai xây dựng theo dự án được phê duyệt. Trước khi đưa vào vận hành sử dụng khu xử lý, chôn lấp rác phải triển khai các văn bản hướng dẫn về các quy định, quy trình và trình tự sử dụng cho phù hợp với quy trình vệ sinh môi trường do cơ quan chuyên môn hướng dẫn.

- Các địa phương thành lập Đội thu gom và vận chuyển rác để hàng ngày thu gom, vận chuyển rác từ bãi tập kết đến vị trí khu xử lý, bãi chôn lấp rác.

3. Đối với các bãi rác hiện có không đảm bảo vệ sinh cần di chuyển và xóa bỏ

- Đối với các bãi rác hiện có không đảm bảo vệ sinh, các cấp chính quyền phải phối hợp chặt chẽ tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về sự nguy hại, ảnh hưởng của rác thải đến môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng.

- Tiến hành đóng cửa bãi rác, lập kế hoạch giải tỏa, di chuyển bãi rác không hợp vệ sinh đến địa điểm mới theo quy hoạch được duyệt hoặc có biện pháp cải tạo bằng phương pháp cho lu lèn chặt rồi lấp đất lên trên đảm bảo chiều

dày lớp đất lấp từ 0,6 đến 1,0m cho trồng cây xanh lên lớp đất này tiến hành phục hồi và cải thiện cảnh quan khu vực.

Điều 8. Phân loại và thu gom rác thải.

1. Phân loại: Các hộ gia đình phân loại rác thải ngay tại gia đình mình bằng các dụng cụ chứa hợp vệ sinh hoặc các túi có màu sắc phân biệt rác vô cơ và rác hữu cơ. Đối với rác thải hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại ủ tạo thành phân vi sinh, phục vụ nông nghiệp. Rác thải vô cơ không còn tái chế được, các hộ gia đình tập kết tại nơi quy định.

2. Thu gom: Các tổ/đội thu gom rác chuyển về bãi tập kết rác của xã để chuyển về khu xử lý tập chung tại huyện hoặc khu vực xử lý chất thải gần nhất trong khu vực theo quy định. Các hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi, chất thải chăn nuôi cần phải xử lý bằng công nghệ khí sinh học có thể tích phù hợp hoặc sử dụng đệm lót sinh học hoặc ủ compost.

3. Mỗi thôn (xóm, làng, bản) cần thành lập các tổ, đội vệ sinh môi trường thu gom rác thải; có nhiệm vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình và vận chuyển tới khu bãi rác của xã để xử lý hoặc để đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường vận chuyển về khu xử lý tập trung trong huyện.

4. Cần khuyến khích áp dụng các hình thức tổ hợp vườn, ao, chuồng, xây dựng các hố rác lưu động, lò đốt rác hộ gia đình, hố chứa rác tự phân hủy, hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình vệ sinh ...phù hợp với từng vùng kinh tế -xã hội để áp dụng cho phù hợp.

5. Các hộ gia đình tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom phải thực hiện xử lý chất thải theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, không được đổ chất thải ra đường, ao hồ, sông suối, kênh rạch.

Điều 9. Xử lý chất thải rắn nguy hại

1. Các chất thải nguy hại, phải được lưu giữ trong các thiết bị chuyên dụng, được thu gom, vận chuyển trong các thiết bị riêng.

2. Chủ nguồn thải, chất thải rắn nguy hại phải thực hiện đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh/huyện và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chuyên ngành, có giấy phép thực hiện.

Điều 10. Quản lý thu gom, xử lý rác thải ở xã

1. Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý, xây dựng các điểm tập kết hoặc xử lý rác thải theo quy hoạch được UBND huyện phê duyệt.

2. Việc xử lý rác thải phải đảm bảo quy trình kỹ thuật, trên cơ sở cơ quan chuyên môn được tỉnh giao nhiệm vụ hướng dẫn, UBND xã phê duyệt quy trình kỹ thuật các điểm thu gom và xử lý rác thải.

3. Tăng cường năng lực quản lý và xử lý rác thải theo mô hình từ các thôn, xóm đến xã, nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ quản lý rác thải bao gồm: Phát triển nhân lực và trang thiết bị chuyên dùng, tăng kinh phí, đảm bảo các chính sách cho người lao động theo quy định, đào tạo về chuyên môn KH-CN về quản lý và xử lý rác thải trên địa bàn các xã nông thôn mới.

4. Khuyến khích chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở các xã, thôn, đẩy mạnh công tác vận động người dân đóng góp kinh phí để tự tổ chức các tổ thu gom rác thải tại các địa bàn thôn, xã mình hoặc mô hình liên thôn, liên xã. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư thành lập các công ty, HTX thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý rác thải, áp dụng các giải pháp thu gom và xử lý rác thải hợp vệ sinh.

5. Mỗi thôn cử ít nhất 1 cán bộ tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện việc thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn xã.

Chương IV

CHỈNH TRANG, CẢI TẠO NGHĨA TRANG

Điều 11. Quy hoạch cải tạo và xây dựng nghĩa trang:

1. Nghĩa trang nhân dân xã: được cải tạo, mở rộng, xây dựng mới đều phải có quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch được cấp chính quyền địa phương phê duyệt đảm bảo theo tiêu chí và phù hợp với các quy định trong xây dựng nông thôn mới. Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý, xây dựng và cải tạo, chỉnh trang các nghĩa trang trên địa bàn xã.

2. Nghĩa trang nhân dân cần quy hoạch đường đi thuận tiện, có băng cây xanh, tạo bóng mát và cảnh quan sạch đẹp và có rào ngăn thích hợp. Các tuyến đường chính và nhánh trong nghĩa trang có rãnh thoát nước. Xung quanh nghĩa trang có hệ thống mương thoát nước và tường rào bao che. Quy hoạch nghĩa trang phải có khu hungr táng, cát táng, tâm linh, mộ phải đặt theo hàng, xây dựng đúng diện tích và chiều cao quy định. Nơi chôn cất, mai táng phải bảo đảm các yêu cầu đáp ứng điều kiện về vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm nguồn nước.

3. Khoảng cách tối thiểu từ ranh giới nghĩa trang đến các khu dân cư tập trung và vành đai các công trình khai thác nước ngầm, nguồn nước mặt cấp nước sinh hoạt đảm bảo quy định hiện hành theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới của cấp chính quyền địa phương phê duyệt.

4. Nghĩa trang cần xây dựng phù hợp với tập quán và tâm linh của nhân dân địa phương, cần có cổng, tường bao quanh và phân chia các khu vực mai táng cụ thể thành khu hungr táng, cát táng.

5. Các xã hoặc liên xã cần quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài; mỗi xã bố trí nghĩa trang nhân dân với các hình thức mai táng khác nhau. Đối với các điểm dân cư nông thôn của 2 - 3 xã gần nhau (trong bán kính 3 km), quy hoạch một nghĩa trang chung cho các xã đó. Các xã miền núi bố trí theo cụm từ 2 thôn trở lên (bán kính không quá 2km) một nghĩa trang. Đối với các xã có nhu cầu khác nhau theo từng dân tộc, tôn giáo thì bố trí thành các khu mai táng riêng biệt.

6. Đối với các nghĩa trang hiện có, phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã, cần tiến hành rà soát, xác định lại ranh giới, đảm bảo nguyên tắc ranh giới của nghĩa trang được mở rộng (không bị giảm đi). UBND xã lập kế hoạch và dự toán, huy động nguồn lực trong dân để nâng cấp, chỉnh trang đảm bảo các yêu cầu theo quy định.

Điều 12. Quản lý nghĩa trang

1. Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý nghĩa trang, đảm bảo theo quy hoạch được duyệt. cần thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, kiên trì vận động mọi người dân thực hiện theo quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm vận động, hướng dẫn người dân thực hiện chôn cất tập trung trong khu nghĩa trang, nghĩa địa theo quy hoạch, không chôn cất tại vườn (ở những nơi còn phong tục này), khuyến khích, tuyên truyền, vận động người dân hỏa táng hợp vệ sinh ở những địa phương có điều kiện; xóa bỏ dần hủ tục mai táng gây ô nhiễm môi trường;

3. Nghĩa trang cần phải được quản lý theo quy chế, quy chế quản lý cần được cộng đồng thảo luận thống nhất ý kiến trước khi trình chính quyền địa phương ban hành. Việc xây dựng mới hoặc mở rộng, cải tạo nghĩa trang phải căn cứ vào quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch được duyệt đảm bảo theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới

4. Nghĩa trang cần được chọn lựa khu đất tại vị trí yên tĩnh, cao ráo, không sụt lở.

5. Cần tận dụng đất đồi, gò đất không thuận lợi cho canh tác để xây dựng nghĩa trang.

6. Đối với các xã có điều kiện có thể bố trí nghĩa trang theo phân khu chức năng, phân lô, mộ, nhóm mộ, khoảng cách giữa các mộ phải thuận tiện cho việc thực hiện các nghi lễ táng.

Chương V

CẢI TẠO, XÂY DỰNG CÁC AO, HỒ SINH THÁI TRONG KHU DÂN CƯ, PHÁT TRIỂN CÂY XANH Ở CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 13. Cải tạo cảnh quan ao, hồ

1. Các ao hồ sinh thái cần được cải tạo, xây dựng trong khu dân cư để điều hòa vi khí hậu cho khu vực, đồng thời kết hợp nuôi thủy sản, phát triển các loài thực vật thủy sinh có giá trị thẩm mỹ và giá trị xử lý ô nhiễm nguồn nước. Cải tạo các ao, hồ, sông, suối nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hoà môi trường không khí tại các làng xã; tận dụng tối đa diện tích ao hồ để tạo môi trường sinh thái góp phần làm nơi điều hòa vi khí hậu trong các khu dân cư nông thôn mới thôn, xã. Các ao, hồ tù đọng phải được cải tạo để tạo lập không gian cảnh quan, sinh thái đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường.

2. Ao hồ sinh thái đảm bảo các mục đích và yêu cầu chủ yếu:

- Tạo mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, tạo cảnh quan đẹp.
- Có khả năng tiếp nhận và xử lý chất thải, nhất là chất thải chăn nuôi, thủy sản.
- Có khả năng phát triển chăn nuôi thủy sản, tạo nguồn lợi kinh tế gia đình, địa phương.

3. Ao hồ sinh thái ở các thôn xã nông thôn mới được chia làm 2 quy mô:

- Hồ sinh thái cấp xã, thôn (phục vụ nhu cầu thôn xã) quy mô từ 01 - 30 ha;
- Ao, hồ sinh thái cấp hộ gia đình (phục vụ nhu cầu hộ gia đình) quy mô từ 0,1 - 1,0 ha.

4. Việc cải tạo, nạo vét, tu bổ ao, hồ cần được thực hiện thường xuyên, nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hoà môi trường không khí tại địa phương.

Điều 14. Quản lý và sử dụng ao, hồ

1. Hệ thống ao, hồ cấp xã phải được quy hoạch chi tiết để đưa vào sử dụng cho mục đích công cộng.

2. Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý hệ thống ao hồ trên địa bàn xã trình UBND huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết hệ thống ao, hồ trong địa bàn xã.

3. Việc sử dụng ao, hồ phải tuân theo quy chế và có ban quản lý xã, thôn giám sát, kiểm tra.

4. Nghiêm cấm mọi hành vi san bằng mặt hồ, ao chung của thôn, xã.

Điều 15. Phát triển phong trào trồng cây:

Tổ chức trồng cây xanh, cây cảnh ở nơi công cộng như: tại khu trung tâm xã; tại các trường học, nhà văn hoá thôn xóm, xã, trạm y tế ... và trồng cây dọc

ven đường giao thông liên thôn, liên xã để tạo bóng mát, điều hoà không khí, hằng năm tổ chức các hoạt động “Tết trồng cây”, trồng cây gây rừng...

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng chính phủ ban hành cơ chế chính sách khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường khu vực nông thôn, tổ chức kiểm tra, chỉ đạo, theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện các cơ chế chính sách và hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

a) Giao Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các cơ quan có liên quan trong Bộ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Chủ trì hướng dẫn các đơn vị xây dựng chương trình, dự án môi trường nhằm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

- Theo dõi, chỉ đạo, tổng kết kết quả hoạt động bảo vệ môi trường thực hiện Quyết định số 800/2010/QĐ-TTg và thông tư này;

- Giám sát, kiểm tra thực hiện kế hoạch về bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Là cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và môi trường phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hàng năm về nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, phân tích, đánh giá và tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí 17 trong Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, tập trung chủ yếu các nội dung sau:

- Đề xuất, tổ chức xây dựng các chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức kinh tế - xã hội, tham gia tích cực vào hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

- Phối hợp kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quyết định số 800/2010/QĐ-TTg (Nội dung 9 mục IV và Thông tư này)

c) Các Cục, Vụ và các đơn vị trong Bộ theo chức năng nhiệm vụ của mình, phối hợp và tham gia tích cực trong các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ môi

trường trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các cấp chính quyền, cơ sở triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương. Kiểm tra chỉ đạo, theo dõi, giám sát, báo cáo đánh giá tổng hợp các hoạt động bảo vệ môi trường trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù ở địa phương mình để khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường khu vực nông thôn.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP. trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- MTTQ VN và Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Chi cục PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Website Chính phủ, Website Bộ NN & PTNT;
- Công báo;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát